

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ANH SƠN
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số: 49/2024/DSST
Ngày 28/11/2024
“V/v: T/c HĐ vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ANH SƠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Phú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tú, bà Nguyễn Thị Hoa
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyễn Linh Chi – Thư ký viên
Toà án nhân dân huyện Anh Sơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Anh Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chức vụ: Kiểm sát Viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Anh Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1970
Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Bà Phan Thị O năm 1964
Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
Ông Võ Hồng T1 – Sinh năm 1969
Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T20 chồng (ông Võ Hồng T2 quan hệ quen biết với Nguyễn Thị T3 lâu, do bà Phan Thị O1 tiền làm ăn nên trong thời gian từ năm 2022 đến 2023, do tin tưởng bà O2 vợ chồng bà có cho bà O3 O4 lần với số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 20/12/2022 vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), thời hạn vay từ 20/12/2022 đến 20/4/2023.
- Ngày 31/5/2023 vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ 31/5/2023 đến 10/6/2023.
- Ngày 17/7/2023 vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ 17/7/2023 đến 17/8/2023.
- Ngày 21/7/2023 vay 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ 21/7/2023 đến 21/8/2023.

Như vậy tổng số tiền vợ chồng bà cho bà O3 qua 04 lần là 540.000.000 đồng.

Bà O4 người trực tiếp đến nhà bà vay tiền, bà T4 người đứng ra cho vay và làm giấy tờ giữa hai bên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, bà O4 người trực tiếp ký vào bên vay trong giấy vay tiền. Sau khi vay tiền bà O5 thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng. Vợ chồng bà đã nhiều lần đến đòi nhưng bà O6 không chịu trả. Vào ngày 10/8/2024 (Sau khi bà T5 đơn khởi kiện) bà O7 thanh toán thêm cho bà số tiền 15.000.000 đồng, hiện còn nợ vợ chồng bà số tiền gốc là 525.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị T6 kiện bà O8 yêu cầu bà O16 thanh toán cho vợ chồng bà số tiền đã vay tính đến thời điểm hiện tại là 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*), tiền lãi suất bà T7 yêu cầu.

Tại đơn gửi đến Tòa án, bị đơn bà Phan Thị O9 bày:

Bà O10 bà Nguyễn Thị T8 quan hệ quen biết với nhau từ lâu, do điều kiện khó khăn, cần tiền làm ăn nên trong thời gian từ năm 2022 đến 2023 bà O11 vay của bà T9 lần với số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 20/12/2022 vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), thời hạn vay từ 20/12/2022 đến 20/4/2023.

- Ngày 31/5/2023 vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ 31/5/2023 đến 10/6/2023.

- Ngày 17/7/2023 vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ 17/7/2023 đến 17/8/2023.

- Ngày 21/7/2023 vay 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ 21/7/2023 đến 21/8/2023.

Như vậy tổng số tiền bà đã vay của bà T10 04 lần là 540.000.000 đồng

Bà O4 trực tiếp đến nhà bà T11, hai bên làm giấy vay và nhận tiền tại nhà bà T12 ký ghi người vay tiền "*Phan Thị O12* trong 04 giấy vay tiền mà bà T13 cấp cho Tòa án là của bà O13 vay hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền. Việc vay tiền của bà T14 làm ăn hoàn toàn xuất phát từ cá nhân bà O14 bà hoàn toàn không biết, không liên quan. Sau khi vay tiền của bà T15 làm ăn không may mắn, nhiều người không trả tiền cho bà nên bà không có tiền để thanh toán cho bà T16 thỏa thuận được. Do điều kiện gia đình khó khăn nên bà phải đi vào Bình Dương làm thuê kiếm tiền trả nợ cho bà T20 một số người khác. Vào ngày 10/8/2024 bà đã chủ động chuyển khoản cho bà T17 tiền 15.000.000 đồng, hiện còn nợ bà T17 tiền gốc là 525.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị T6 kiện bà để yêu cầu bà phải thanh toán cho bà T17 tiền đã vay tính đến thời điểm hiện tại là 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*) thì bà hoàn toàn chấp nhận trả theo quy định của pháp luật, bà O15 bà T18 bà được làm ăn trả dần vì hoàn cảnh gia đình bà hết sức khó khăn.

Tại đơn trình bày gửi cho Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Hồng T19 bày:

Ông Võ Hồng T1 hoàn toàn thống nhất với nội dung khởi kiện và lời trình bày của bà T7 bổ sung, yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án như sau: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên toà sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thành phần những người tiến hành tố tụng đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định. Về mặt nội dung vụ án: Có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Phan Thị O16 thanh toán cho bà T22 T1 số tiền nợ gốc 525.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T6 kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị O12 thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là bà Phan Thị O12 cư trú tại thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó việc xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phan Thị O12 phải thanh toán số tiền vay 525.000.000 đồng thấy rằng:

Trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2023 vợ chồng bà Nguyễn Thị T20 ông Võ Hồng T1 đã cho bà Phan Thị O12 tổng cộng 04 lần, mục đích để bà O có vốn làm ăn với tổng số tiền 540.000.000 đồng. Tất cả các khoản vay đều là vay có thời hạn, xác định cụ thể thời hạn thanh toán. Đến hạn trả nợ, bà O vẫn không chịu thanh toán mặc dù vợ chồng bà T, ông T1 đã nhiều lần đến đòi, bà O cứ hứa hẹn lần này đến lần khác, đến ngày 10/8/2024 bà O7 thanh toán cho bà T22 T1 15.000.000 đồng, hiện còn nợ 525.000.000 đồng. HĐXX xét thấy việc vay mượn tiền giữa vợ chồng bà T, ông T1 và bà O là hoàn toàn phát sinh trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch nói trên. Bà O là bên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã giao kết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà O17 nhận các khoản vay theo nội dung khởi kiện của bà T4 hoàn toàn đúng thực tế và hiện đang nợ vợ chồng bà T22 T1 số tiền 525.000.000 đồng tiền gốc. Bà O18 kết trả nợ cho vợ chồng bà T22 T1 và xin cho bà được làm ăn trả dần vì hiện tại hoàn cảnh bà đang rất khó khăn.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T21 Buộc bà Phan Thị O12 phải thanh toán cho

ông bà Nguyễn Thị T22 Võ Hồng T1 số tiền đã vay là 525.000.000 đồng. Về lãi suất bà T, ông T1 không yêu cầu nên HĐXX không xét.

Về án phí: Bà Phan Thị O12 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các các điều 26, 35, 39, 147, 207, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T21 Buộc bị đơn bà Phan Thị O12 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T20 ông Võ H T1 số tiền nợ gốc đã vay là 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Phan Thị O12. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T23 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Anh Sơn ngày 02/10/2024, theo biên lai số 0007940).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện A
- THADS huyện A
- Các đương sự;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn P

